

Số: 1580844

|                                                | Peugeot 408 GT         | Kia Sorento 2.2D Signature (7 chỗ) Nội thất nâu |
|------------------------------------------------|------------------------|-------------------------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                           | <b>1.269.000.000đ</b>  | <b>1.209.000.000đ</b>                           |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>                |                        |                                                 |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4687 x 1850 x 1510     | 4810 x 1900 x 1700                              |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2787                   | 2815                                            |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 189                    | 176                                             |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1500                   | 1890  1860                                      |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 1950                   | 2430   2490                                     |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 536                    | 357                                             |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 52                     | 67                                              |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                      | 7                                               |
| Nguồn gốc                                      | SX-LR trong nước       | SX-LR trong nước                                |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>                   |                        |                                                 |
| Loại động cơ                                   | 1,6T PureTech          | Smartstream D2.2                                |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1598                   | 2151                                            |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 218 / 5500             | 198/3800                                        |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 300 / 2000             | 440/1750-2750                                   |
| Hộp số                                         | 8AT                    | 8-DCT                                           |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)        | 2 cầu (AWD)                                     |
| Hệ thống treo trước                            | Độc lập Mc Pherson     | McPherson                                       |
| Hệ thống treo sau                              | Bán Độc Lập            | Liên kết đa điểm                                |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                    | Đĩa                                             |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                    | Đĩa                                             |
| Thông số lốp xe                                | 245/40 R20             | 235/55R19                                       |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 10.09                  | 7.4                                             |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 6.64                   | 5.3                                             |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 7.93                   | 6.1                                             |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | -                      |                                                 |
| Chế độ lái                                     | Eco/Normal/Sport       | Comfort/Eco/Sport/Smart                         |
| Chế độ địa hình                                | -                      | Snow/Mud/Sand/Terrain Mode                      |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                             |                        |                                                 |
| Cụm đèn trước                                  | Matrix LED             | LED Projector                                   |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                      |                                                 |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | ● (Phân vùng ánh sáng) | ●                                               |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | ●                      |                                                 |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                    | -                      |                                                 |
| Đèn ban ngày LED                               | ●                      | ●                                               |
| Đèn sương mù                                   | -                      | LED                                             |
| Cụm đèn sau                                    | Nhận diện phiên bản GT | LED                                             |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                      | ●                                               |
| Gạt mưa tự động                                | ●                      | ●                                               |
| Cửa sổ trời                                    | ●                      | ●                                               |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>                   |                        |                                                 |

|                                                 |                   |                                              |
|-------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------------------|
| Vô lăng bọc da                                  | ● (Phong cách GT) | ●                                            |
| Chất liệu ghế                                   | Da Nappa          | Da                                           |
| Ghế người lái chỉnh cơ                          | -                 |                                              |
| Ghế người lái chỉnh điện                        | ●                 | ●                                            |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                     | ●                 | ●                                            |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ              | -                 |                                              |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện            | ●                 | ●                                            |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát             | -                 | ● (+ sưởi hàng ghế 2, vô lăng)               |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi                | ●                 | ●                                            |
| Hàng ghế trước có tính năng massage             | ●                 |                                              |
| Tính năng cửa hít                               | -                 |                                              |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                          | ●                 | ●                                            |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin                   | Digital 10        | 12.3"                                        |
| Màn hình HUD                                    | -                 | ●                                            |
| Màn hình giải trí trung tâm                     | Digital 10        | AVN 10.25"                                   |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto              | ●                 | ●                                            |
| Hệ thống điều hòa tự động                       | ●                 | ●                                            |
| Số vùng khí hậu điều hòa                        | 2                 | 2 vùng                                       |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                        | ●                 | ●                                            |
| Chìa khóa thông minh                            | ●                 | ●                                            |
| Khởi động nút bấm                               | ●                 | ●                                            |
| Khởi động từ xa                                 | -                 | ●                                            |
| Hệ thống âm thanh                               | 10 loa Focal      | 12 loa Bose                                  |
| Lấy chuyển số                                   | ●                 | ●                                            |
| Sạc không dây Qi                                | ●                 | ●                                            |
| Phanh đỗ điện tử                                | ●                 | ●                                            |
| Giữ phanh tự động Autohold                      | -                 | ●                                            |
| Đèn trang trí nội thất                          | ●                 | ●                                            |
| Rèm che nắng                                    | -                 | ●                                            |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX                      | ●                 | -                                            |
| <b>AN TOÀN:</b>                                 |                   |                                              |
| Số túi khí                                      | 6                 | 6                                            |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●                 | ●                                            |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●                 | ●                                            |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●                 |                                              |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS            | ●                 |                                              |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●                 | ●                                            |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS      | ●                 |                                              |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●                 | ●                                            |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Trước & sau       | Trước & Sau                                  |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ●                 | ● (+ hỗ trợ tránh va chạm, hiển thị điểm mù) |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ●                 |                                              |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | ●                 |                                              |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | ●                 | ●                                            |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động                  | ●                 | ●                                            |

|                                          |         |            |
|------------------------------------------|---------|------------|
| Hệ thống điều khiển hành trình           | ●       |            |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng | ●       | ●          |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp            | ●       | ●          |
| Camera lùi                               | ● (360) | Camera 360 |